

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Vĩnh Hoàn

Ngày
31/12/2025

56,100 VNĐ

Thay đổi

1 tháng

3 tháng

6 tháng

-2.6%

2.7%

-0.8%

DT thuần
Q4/25

2,715

tỷ VNĐ

QoQ: ▼756| -21.8%

YoY: ▼491| -15.3%

LN thuần
Q4/25

293

tỷ VNĐ

QoQ: ▼240| -45.0%

YoY: ▼181| -38.1%

LN sau thuế
Q4/25

245

tỷ VNĐ

QoQ: ▼210| -46.2%

YoY: ▼196| -44.5%

Tỷ suất lãi EBIT
2025

14.5%

YoY: +/-▲ 2.0%

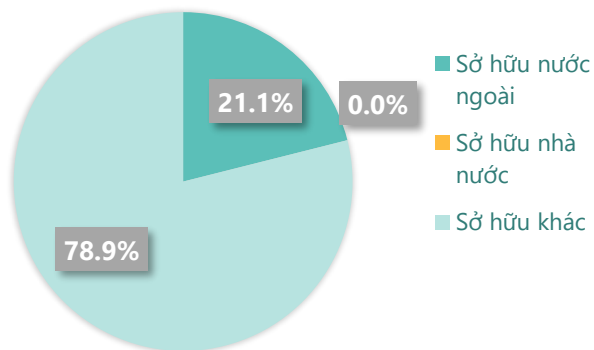
ROE
2025

14.4%

YoY: +/-▲ 0.4%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	42,279 - 69,870
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	12,592
Số lượng CPLH (CP)	224,453,159
KLGD BQ 20 phiên (CP)	598,690
Sở hữu nước ngoài	21.1%
Beta	0.72
EPS	6,073
P/E	9.2

Cơ cấu sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

DT thuần
2025

12,026

tỷ VNĐ

YoY: ▼487| -3.9%

LN thuần
2025

1,673

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 223| 15.4%

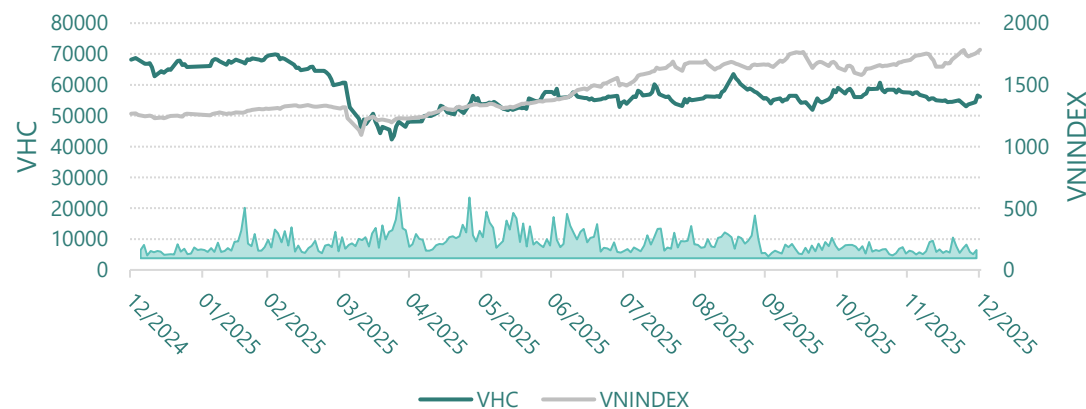
LN sau thuế
2025

1,451

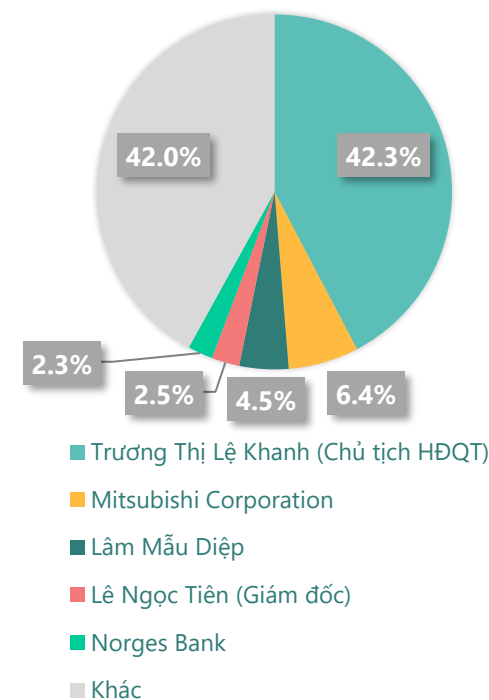
tỷ VNĐ

YoY: ▲ 148| 11.4%

Lịch sử giá

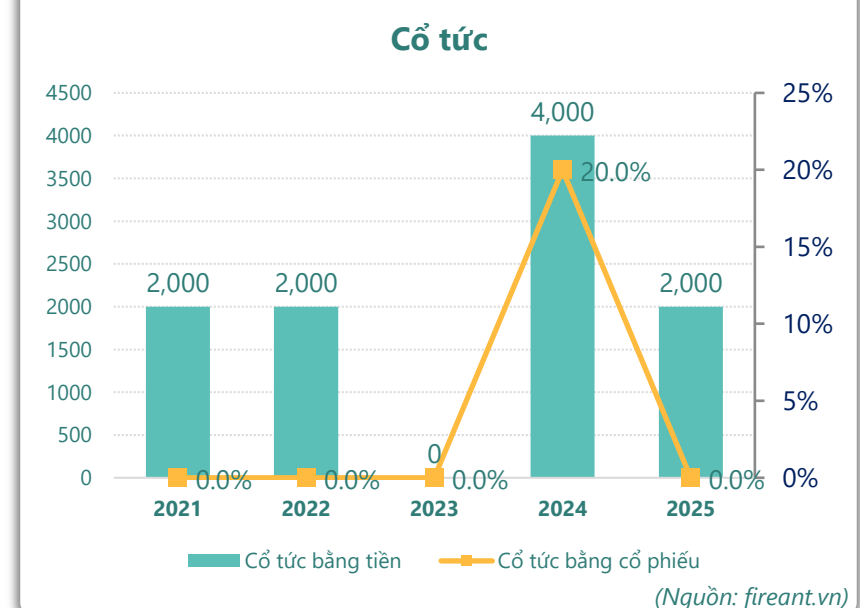
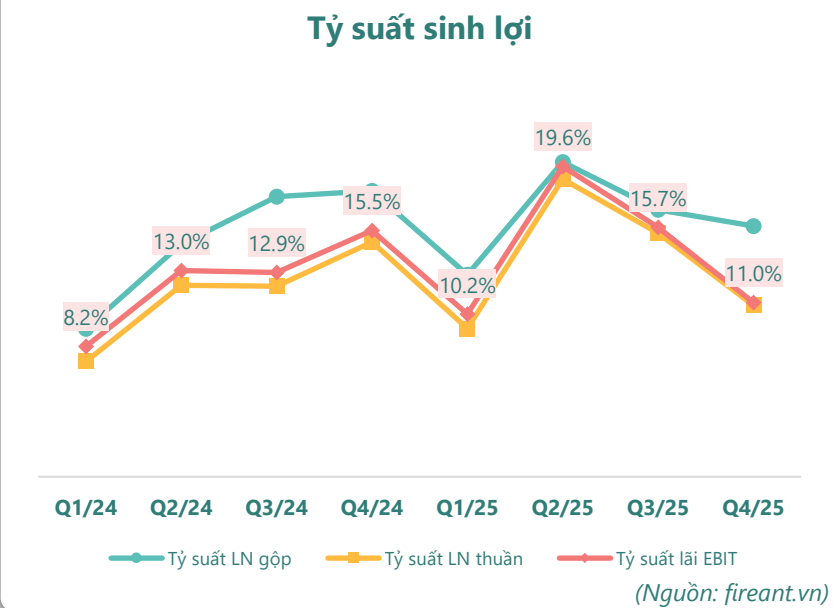
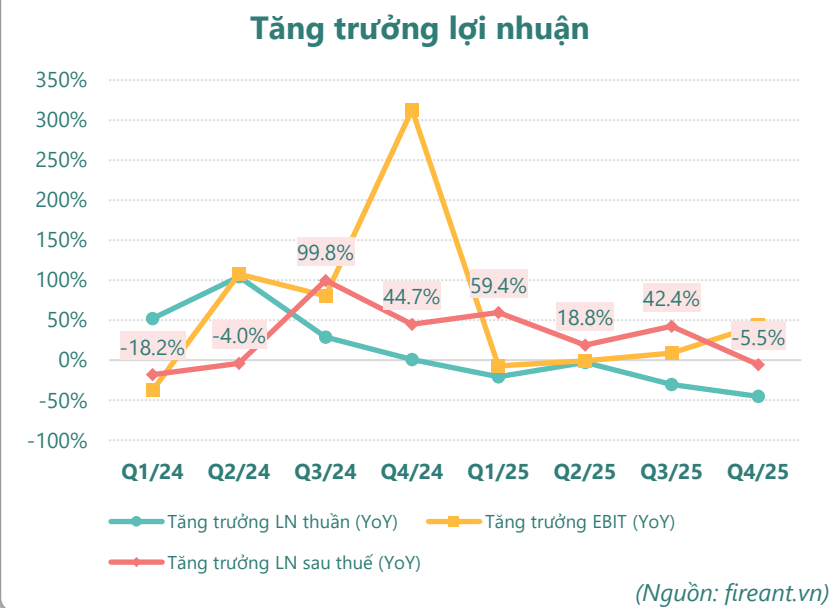
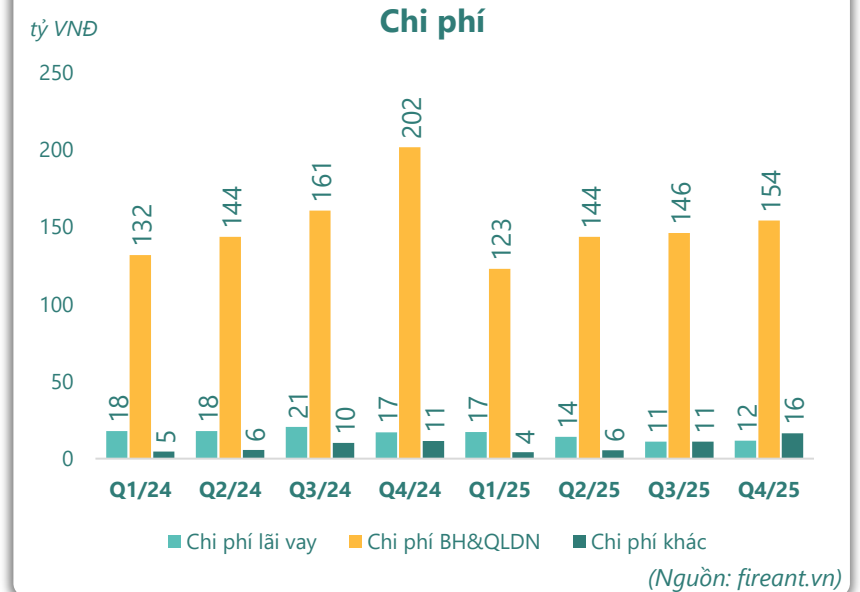
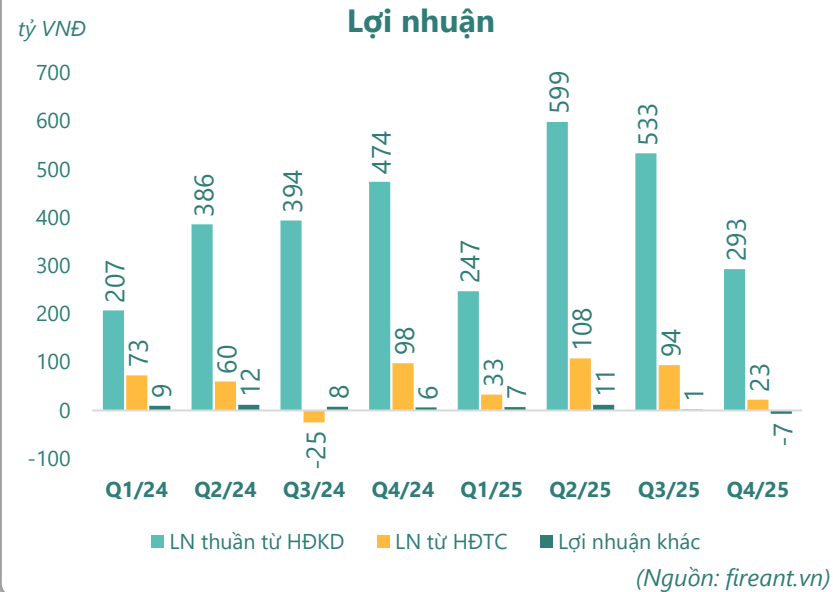
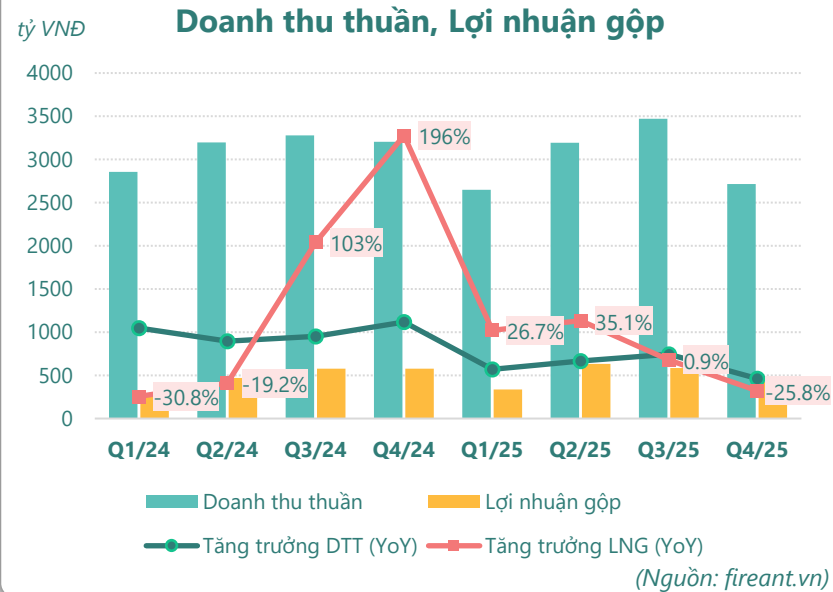


Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

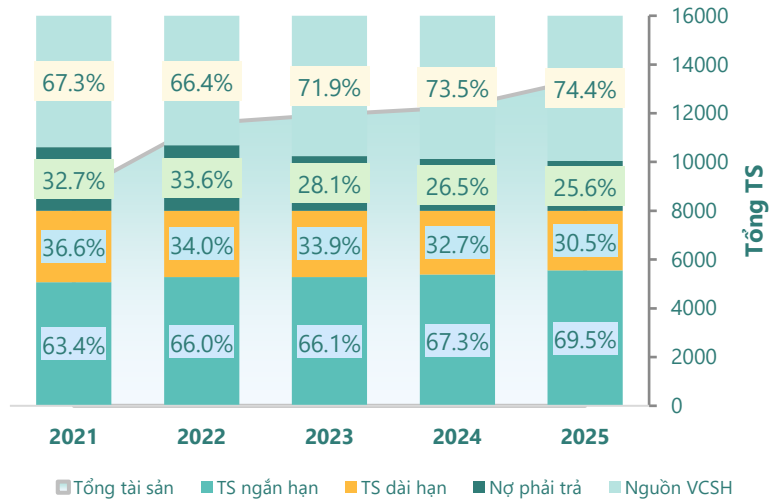
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

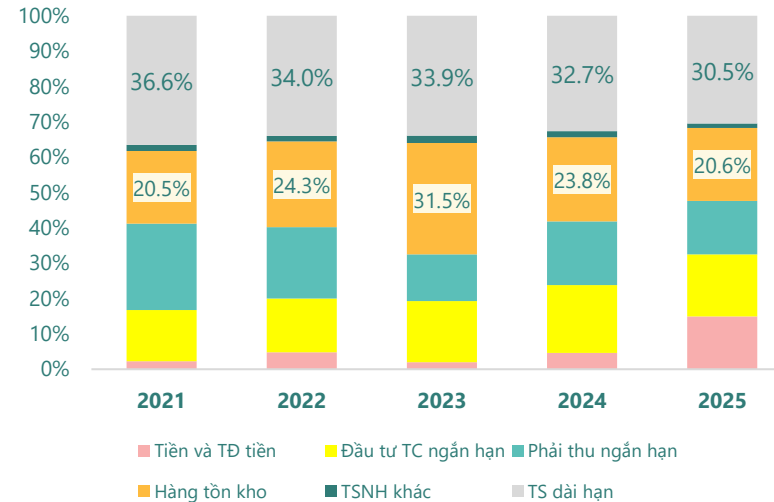
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

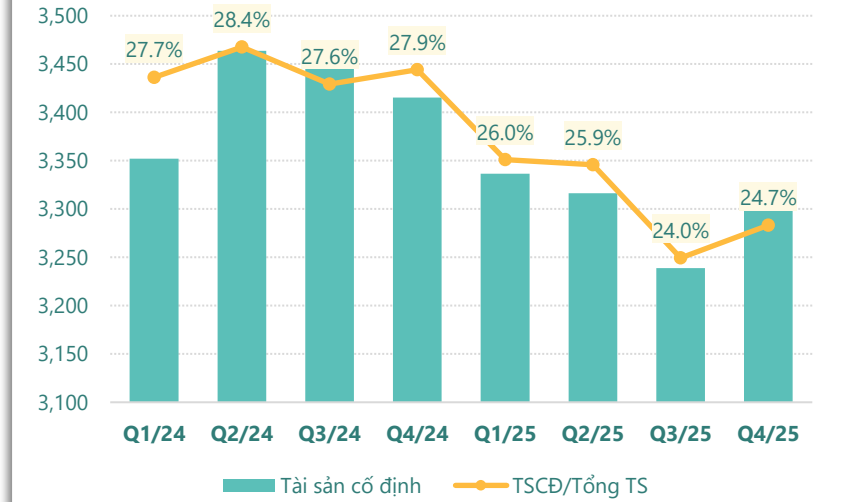
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

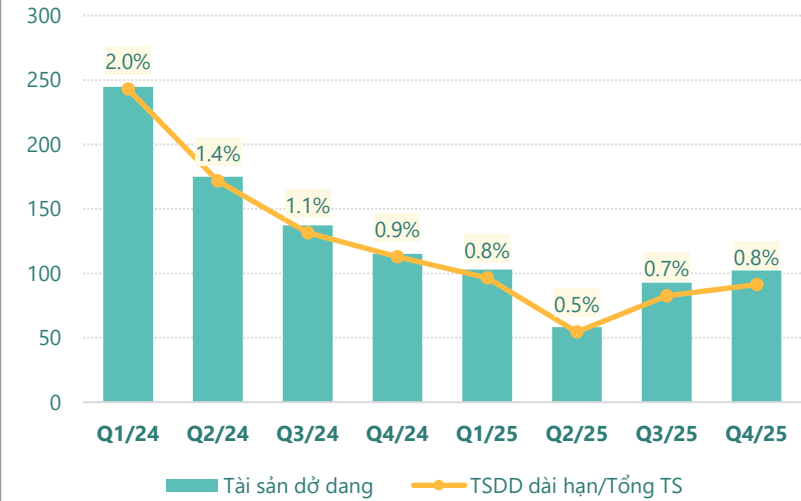
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

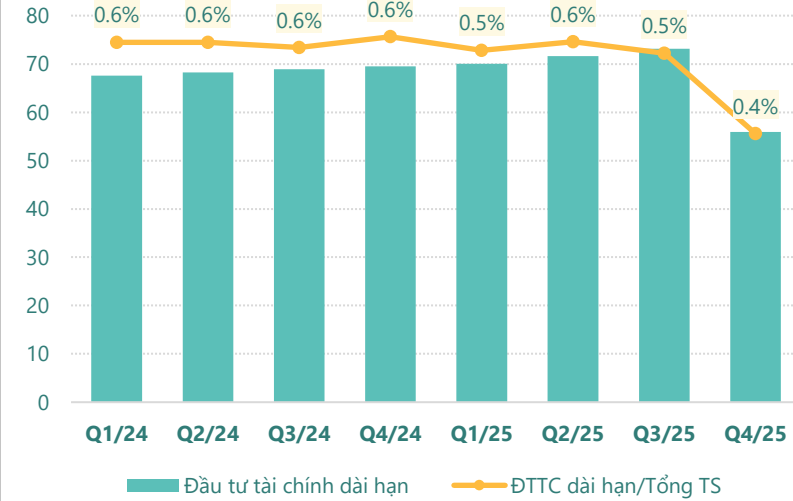
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

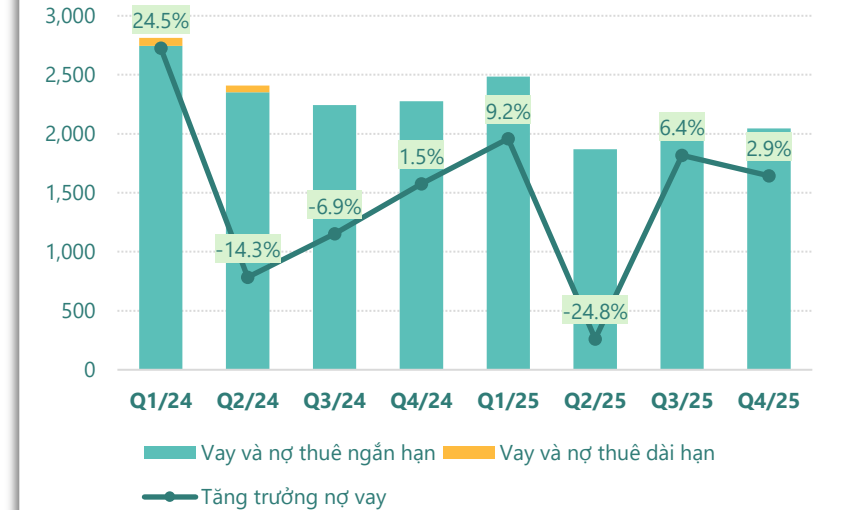
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

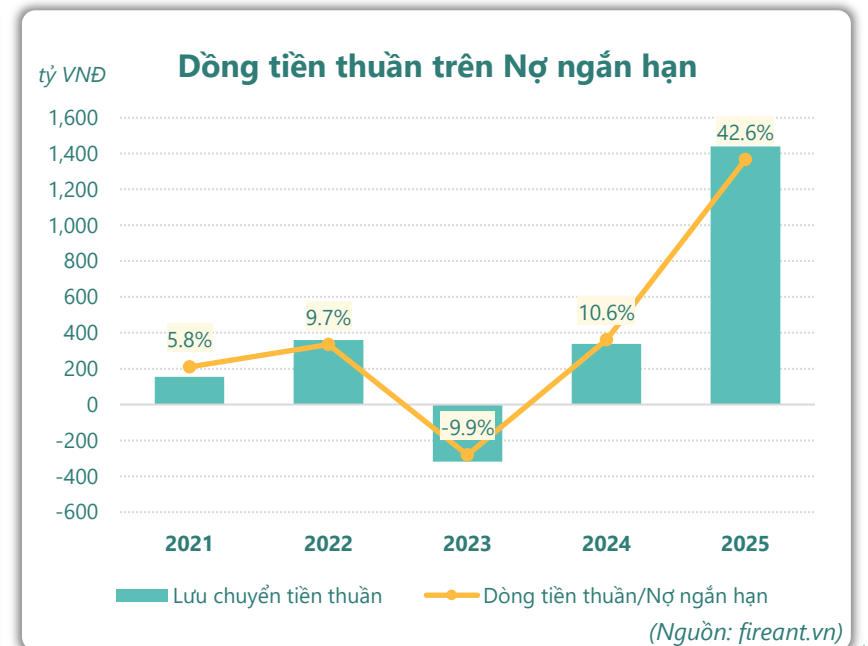
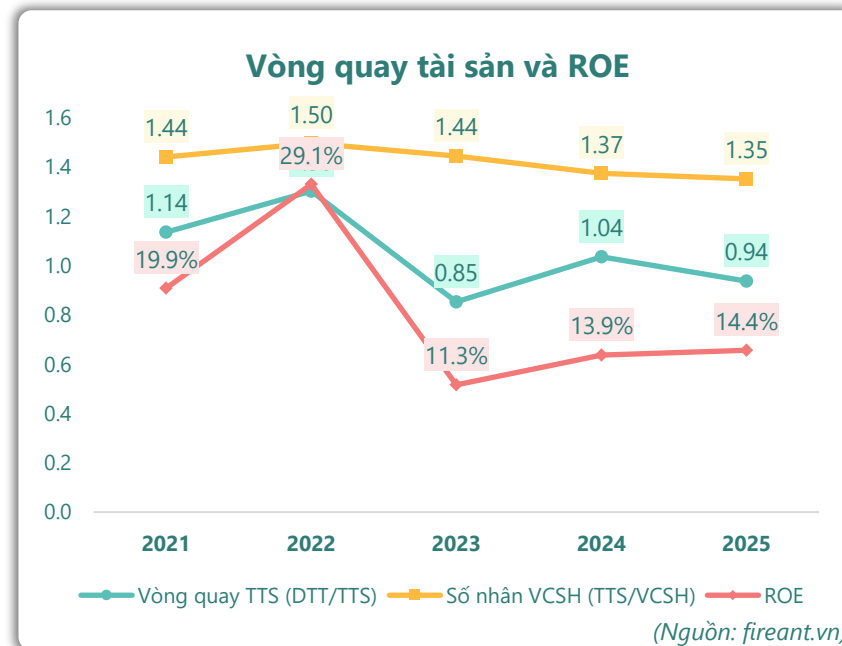
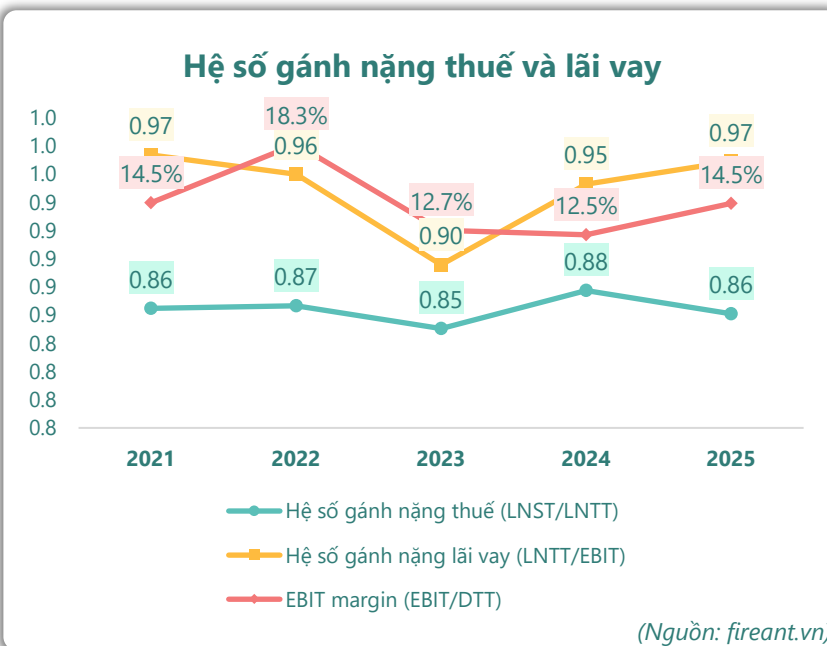
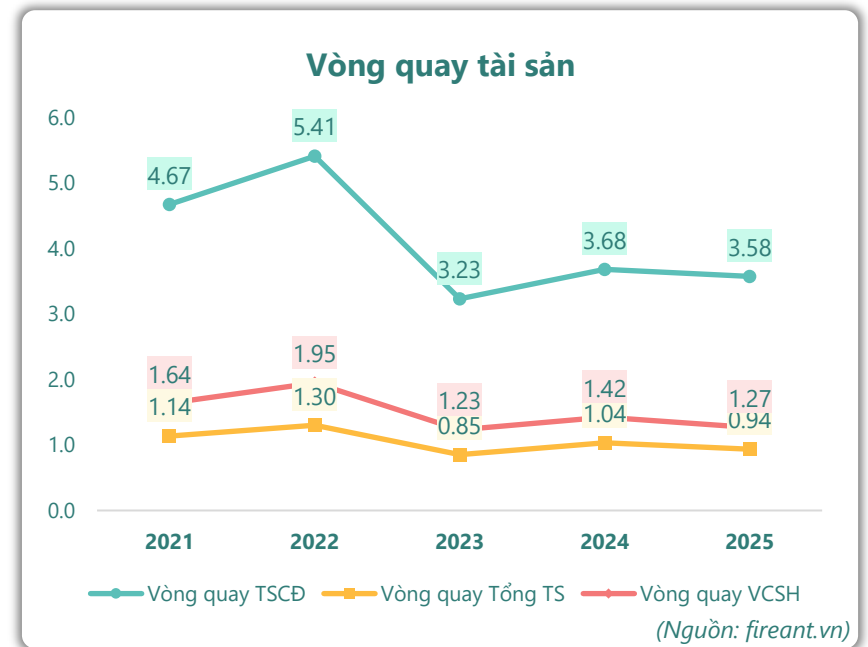
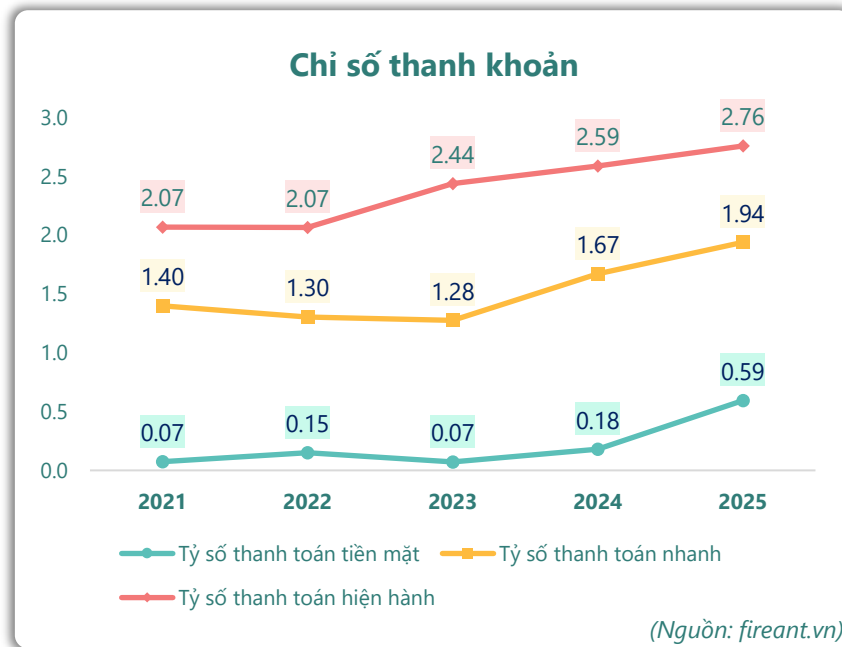
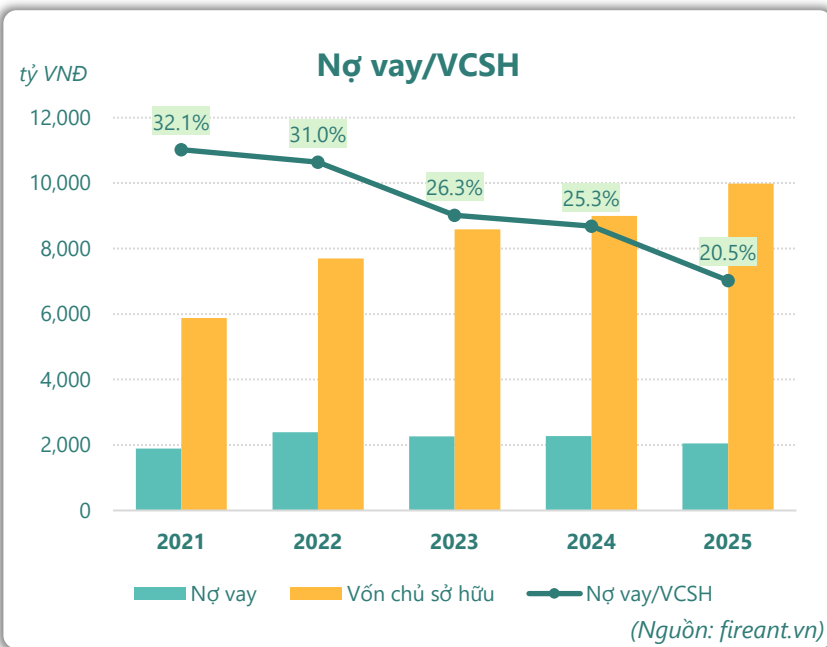
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	2,715	3,206	-15.3%	12,026	12,513	-3.9%
Giá vốn hàng bán	2,286	2,628	-13.0%	10,043	10,618	-5.4%
Lợi nhuận gộp	429	578	-25.8%	1,983	1,895	4.7%
Doanh thu HĐTC	46.2	148	-68.8%	364	423	-13.9%
Chi phí TC	23.7	49.8	-52.4%	107	217	-50.5%
Chi phí lãi vay	11.7	17.0	-31.0%	54.0	73.3	-26.3%
LN trong công ty LKLD	-3.66	0.56	-753%	0	2.24	-100%
Chi phí bán hàng	65.9	64.1	2.9%	252	297	-15.2%
Chi phí QLDN	88.5	138	-35.9%	316	358	-11.7%
LN thuần từ HĐKD	293	474	-38.1%	1,673	1,450	15.4%
Lợi nhuận khác	-6.82	6.10	-212%	12.8	35.1	-63.4%
LN trước thuế	286	481	-40.4%	1,686	1,485	13.5%
Lợi nhuận sau thuế	245	441	-44.5%	1,451	1,303	11.4%
LNST của CĐ cty mẹ	222	425	-47.7%	1,363	1,226	11.2%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	482	729	241	485	1,255	96.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	175	-358	10.2	240	-841	183
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-199	-414	209	-616	119	56.8
Tiền đầu kỳ	159	612	570	1,031	1,148	1,678
Lưu chuyển tiền thuần	457	-42.9	460	110	533	336
Ảnh hưởng tỷ giá	-3.95	1.11	0.66	6.57	-2.34	-6.54
Tiền cuối kỳ	612	570	1,031	1,148	1,678	2,008

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	13,422	12,234	9.7%
Tài sản ngắn hạn	9,332	8,238	13.3%
Tiền và tương đương tiền	2,008	570	252%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,357	2,340	0.7%
Phải thu ngắn hạn	2,030	2,201	-7.7%
Hàng tồn kho	2,771	2,915	-4.9%
Tài sản ngắn hạn khác	165	213	-22.5%
Tài sản dài hạn	4,090	3,996	2.4%
Phải thu dài hạn	2.55	1.55	64.5%
Tài sản cố định	3,310	3,415	-3.1%
Bất động sản đầu tư	239	0	
Tài sản dở dang	102	109	-6.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	55.9	69.5	-19.5%
Tài sản dài hạn khác	225	210	7.0%
Lợi thế thương mại	155	190	-18.4%
Nợ phải trả	3,435	3,241	6.0%
Nợ ngắn hạn	3,382	3,184	6.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,046	2,277	-10.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	337	278	21.1%
Nợ dài hạn	52.3	56.9	-8.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	9,987	8,994	11.0%
Vốn chủ sở hữu	9,987	8,994	11.0%
Vốn điều lệ	2,245	2,245	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

